

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 315/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2025 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1981; Địa chỉ: SN A L, phường Đ, TP., tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Phô C, phường Q, TP., tỉnh Thanh Hóa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 5 năm 2025, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc dân sự, nội dung thỏa thuận cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M đều xác định: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh, chị thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/11/2018 và Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 11/6/2020. Anh, chị thỏa thuận giao cả hai con cho anh M nuôi dưỡng, chị Q cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng, cả hai cháu là 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi có quyết định của Tòa án cho đến khi các cháu Minh K, Minh Q1 đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Các đương sự thỏa thuận chị Q nộp lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/11/2018 và Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 11/6/2020. Giao cả hai con cho anh M nuôi dưỡng, chị Q cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng, cả hai cháu là 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi cháu Minh K, Minh Q1 đủ 18 tuổi.

Chị Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Q nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0006834 ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (chị Q đã nộp đủ).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường Quảng Tâm, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Liên